

Số: ~~1895~~/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Quảng Chu,  
xã Chợ Mới, tỉnh Thái Nguyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước hợp nhất, sáp nhập) về việc thành lập cụm công nghiệp Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 về việc điều chỉnh quyết định thành lập cụm công nghiệp Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 về việc điều chỉnh nội dung khoản 8 Điều 1 Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 về việc điều chỉnh nội dung khoản 4 Điều 1 Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 về việc điều chỉnh Quyết định thành lập cụm công nghiệp Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn (lần 4);

Căn cứ Kết luận 1311-KL/ĐU ngày 18/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh về chủ trương điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Quảng Chu, xã Chợ Mới, tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3505/TTr-SCT ngày 30/5/2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 19/7/2021, Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước khi sáp nhập, hợp nhất). Cụ thể như sau:

1. Nội dung điều chỉnh 1: Điều chỉnh địa điểm thực hiện cụm công nghiệp (CCN)

a) Nội dung đã phê duyệt tại Điều 1 Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước khi sáp nhập, hợp nhất):

*“2. Địa điểm: Xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn”*

b) Nay điều chỉnh thành:

*“2. Địa điểm: Xã Chợ Mới, tỉnh Thái Nguyên.*

*(Phạm vi ranh giới CCN Quảng Chu với hai khu: Khu 01 từ điểm M1 đến điểm M21 và Khu 02 từ điểm N1 đến điểm N15, cụ thể tại Phụ lục tọa độ chi tiết kèm theo)”.*

2. Nội dung điều chỉnh 2: Điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án

a) Nội dung đã phê duyệt tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước khi sáp nhập, hợp nhất):

*“6. Tổng mức đầu tư: 456.170.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi sáu tỷ, một trăm bảy mươi triệu đồng).”*

b) Nay điều chỉnh thành:

*“6. Tổng mức đầu tư: 592.746.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi hai tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng).”*

3. Nội dung điều chỉnh 3: Điều chỉnh cơ cấu vốn

a) Nội dung đã phê duyệt tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước khi sáp nhập, hợp nhất):

*“7. Cơ cấu vốn đầu tư:*

*Vốn góp của chủ đầu tư: 91.234.000.000 đồng, chiếm 20% của tổng mức đầu tư;*

*Vốn vay: 364.936.000.000 đồng, chiếm 80% của tổng mức đầu tư.”*

c) Nay điều chỉnh thành:

*“7. Cơ cấu vốn đầu tư:*

*Vốn góp của chủ đầu tư: 118.549.200.000 đồng, chiếm 20% của tổng mức đầu tư;*

*Vốn vay: 474.196.800.000 đồng, chiếm 80% của tổng mức đầu tư”*

4. Nội dung điều chỉnh 4: Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án

a) Nội dung đã phê duyệt tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước khi sáp nhập, hợp nhất):

*“8. Thời gian hoạt động và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.*

*a) Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày giao đất lần đầu (ngày 18 tháng 8 năm 2023).*

b) Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (tính từ ngày ký Quyết định thành lập cụm công nghiệp Quảng Chu).

- Thực hiện công tác chuẩn bị dự án; thống kê, đền bù, giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Chu: Từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 12 năm 2025.

- Quản lý vận hành, khai thác kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Chu: Từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 8 năm 2073”.

b) Nay điều chỉnh thành:

“8. Thời gian hoạt động và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

a) Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày giao đất lần đầu (ngày 18 tháng 8 năm 2023).

b) Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (tính từ ngày ký Quyết định thành lập cụm công nghiệp Quảng Chu).

- Thực hiện công tác chuẩn bị dự án; thống kê, bồi thường, giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Chu,...: Từ Quý I năm 2021 đến Quý IV năm 2027.

- Hoàn thành đưa dự án vào khai thác vận hành: Từ Quý I năm 2028.”

**Điều 2** Các nội dung khác không đề cập được giữ nguyên và tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 19/7/2021, Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 07/4/2023, Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 và Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn (trước khi sáp nhập, hợp nhất).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Kho bạc Nhà nước Khu vực VII; Chủ tịch UBND xã Chợ Mới; Công ty Cổ phần Onsen Fuji Bắc Kạn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/6/26



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dương Văn Lượng**

**PHỤ LỤC**

**Tọa độ ranh giới Cụm công nghiệp Quảng Chu, xã Chợ Mới, tỉnh Thái Nguyên**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

**1. Tọa độ ranh giới Khu 01**

STT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tế trục 106 <sup>0</sup> 30' mũi chiếu 3 độ		Diện tích (ha)
		X (m)	Y (m)	
01	M1	2414365	426191,364	45,9
02	M2	2414327.695	426178,795	
03	M3	2414244.924	426150,907	
04	M4	2413983.03	425927,447	
05	M5	2413865.239	425777,16	
06	M6	2413884.84	425707,3	
07	M21	2413931.698	425692,371	
08	M20	2413823.384	425551,042	
09	M19	2413883.623	425504,875	
10	M19A	2413880.069	425458.421	
11	M18	2413824.746	425404.391	
12	M17	2413954,644	425272.411	
13	M16	2414500,132	425433,346	
14	M15	2414425,115	425804,168	
15	M11	2414490.55	425925.69	
16	M12	2414506.035	426025.282	
17	M13	2414642.34	426105.332	
18	M14	2414595,465	426267,355	

**2. Tọa độ ranh giới Khu 02**

STT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tế trục 106 <sup>0</sup> 30' mũi chiếu 3 độ		Diện tích (ha)
		X (m)	Y (m)	
1	N1	2414366.655	426274.507	28,5
2	N2	2414318.164	426260.284	
3	N3	2414124.024	426200.066	
4	N4	2414082.383	426333.34	
5	N5	2414486.609	426487.329	
6	N6	2414442.83	426614.16	
7	N7	2414503.918	426629.403	
8	N8	2414654.335	426796.949	
9	N9	2414732.242	426864.138	
10	N10	2414782.057	426881.236	
11	N11	2414873.544	426694.762	
12	N12	2415102.563	426836.698	
13	N13	2415134.002	426703.498	
14	N14	2414922.017	426415.736	
15	N15	2414789.11	426391.985	